

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02/12/2020
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn.

2. Ông Nguyễn Ngọc Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CD tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số nhà 17, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước T, huyện CD, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2020 và bản tự khai ngày 23/11/2020, ông Trần Ngọc Q trình bày như sau: Ông và bà Phạm Thị A đăng ký kết hôn ngày 20/12/1991 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CD. Vợ chồng chung sống có hai con chung là anh Trần Tuấn D, sinh năm 1993 và cháu Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 07/10/2004. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 đến nay. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phạm Thị A. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu được nuôi cháu Trần Ngọc Như Y, còn anh D đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Tại bản tự khai ngày 23/11/2020, ông thay đổi lời khai

đồng ý giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y theo nguyện vọng của cháu và ông cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi đủ 18 tuổi .

Bị đơn bà Phạm Thị A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: Về quá trình đăng ký kết hôn đúng như ông Quyền trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác, nay ông Q yêu cầu ly hôn bà đồng ý. Về con chung đúng như ông Q trình bày. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 07/10/2004, yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi học xong đại học, tức khoảng 6 năm nữa. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CD phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Việc việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ông Trần Ngọc Q là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông Q và bà A tiến tới hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy nên hôn nhân là hợp pháp. Ông Q yêu cầu ly hôn bà A đồng ý nên ghi nhận việc thuận tình ly hôn của ông Q và bà A.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Q và bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về con chung: Q và bà A có hai con chung là anh Trần Tuấn Dũng, sinh năm 1993 và cháu Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/10/2004. Anh Dũng đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bà A yêu cầu được nuôi cháu Y, ông Q đồng ý nên giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Bà A yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Ý mỗi tháng 2.000.000đồng, cho đến khi cháu Y học xong đại học, thời gian cấp dưỡng là 6 năm nữa. Căn cứ khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì không có căn cứ chấp nhận thời gian cấp dưỡng theo yêu cầu của bà A, ông Q chỉ có nghĩa cấp dưỡng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Ngọc Q và bà Phạm Thị A có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện CD cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Bà Phạm Thị A là bị đơn hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phước Tuy, huyện CD, tỉnh Long An nên khi ông Q có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Ông Trần Ngọc Q là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án và không tiến hành hòa giải nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc Q.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Q nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà A nhưng quyền có đơn xin vắng mặt và không tiến hành hòa giải. Như vậy ông Q không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà A cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông Q và bà A không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về con chung: Ông Q và bà A có hai con chung là anh Trần Tuấn Dũng, sinh năm 1993 và cháu Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 07/10/2004. Anh Dũng đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y. Hiện nay cháu Y đang ở với bà A và cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với bà A, ông Q cũng đồng ý nên giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi học xong đại học khoảng 6 năm nữa, tuy nhiên theo quy định Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình, quy định cấp dưỡng con chưa thành niên tức là cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Q đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi cháu Y đủ 18 tuổi nên ông Q chỉ phải cấp dưỡng đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Q phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Chấp nhận phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Ngọc Q đối với bà Phạm Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Q được ly hôn với bà Phạm Thị A.

Về con chung: Có hai con chung anh Trần Tuấn D, sinh năm 1993 (đã thành niên) và cháu Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 07/10/2004. Bà Phạm Thị A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc Như Y, ông Trần Ngọc Q phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hằng tháng, từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Ngọc Q phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0008798 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD, tỉnh Long An. Ông Q phải nộp thêm 300.000đồng án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Phạm Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Ngọc Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám